**Đặc tả use-case**

Use case name: Xác nhận đơn vận chuyển.

Actors: Nhân viên quản lí kho, Hệ thống quản lí kho.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| UC Code | UC19 | Use case name | Xác nhận đơn vận chuyển |
| Actor | Nhân viên quản lí kho, Hệ thống quản lí kho. | | |
| Precondition | Nhận đơn hàng được chuyển đến. | | |
| Main flow of event (success) | | # | Doer | Action | | --- | --- | --- | |  | Nhân viên quản lí kho | Nhận danh sách đơn hàng chuyển đến. | |  | Nhân viên quản lí kho | Kiểm tra số lượng hàng. | |  | Nhân viên quản lí kho | Xác nhận đơn hàng vận chuyển. | |  | Hệ thống quản lí kho | Xác nhận đơn hàng vận chuyển. | |  | System | Hệ thống xác nhận thành công. | | | |
| Alternative flow of event | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | # |  | Doer | Action | | 2a. |  | Nhân viên quản lí kho | Số lượng hàng không đủ | | 3a. |  | Nhân viên quản lí kho | Không xác nhận đơn hàng | | 4a. |  | Hệ thống quản lí kho | Không xác nhận đơn hàng | | 6a. |  | System | Hệ thống không xác nhận đơn hàng vận chuyển | | | |